

TỔ NGỮ VĂN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN 12
NĂM HỌC 2024-2025

A. BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

TT	Yêu cầu kiểm tra	Số câu	Cấp độ tư duy						
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
			Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Đọc hiểu	6	2	15%	3	25%	1	10%	50%
2	Viết (Bài văn)	1		10%		20%		20%	50%
Tỉ lệ %				25%		45%		30%	
Tổng		7		100%					

B. KIẾN THỨC CHUNG

I. KIẾN THỨC VỀ THỂ LOẠI

Bài 1. KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT (Xem lại đề cương ôn tập giữa học kì 1)

BÀI 2. NHỮNG THỂ GIỚI THƠ (Xem lại đề cương ôn tập giữa học kì 1)

BÀI 3. LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

BÀI 4. YẾU TỐ KÌ ẢO TRONG TRUYỆN KỂ

Thể loại		Yếu tố kì ảo trong truyện kể
Các văn bản đã học		- <i>Hải khẩu linh từ – Đèn thiêng cửa bể</i> (Trích – Đoàn Thị Điểm) - <i>Muối của rừng</i> (Trích – Nguyễn Huy Thiệp)
Đặc điểm thể loại	Truyện truyền kì	- Truyện truyền kì là thể loại văn xuôi tự sự có nguồn gốc từ văn học Trung Quốc được tiếp nhận và phát triển ở các nước thuộc khu vực chịu ảnh hưởng văn hoá Hán. Thuật ngữ truyền kì xuất hiện vào cuối đời Đường, dùng để định danh một loại truyện mới, được phát triển từ loại truyện chí quái, chí dị vốn hình thành trước đó. - Truyện truyền kì phát triển trên nền tảng thần thoại, truyền thuyết,... của văn học dân gian và những tin ngưỡng văn hoá trong đời sống tinh thần của các dân tộc. - Trong truyện truyền kì yếu tố kì ảo được sử dụng như một phương thức nghệ thuật có tính đặc thù nhằm thể hiện các vấn đề của thực tại.
	Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì	- Trong truyện truyền kì, yếu tố kì ảo hiện diện ở mọi thành phần cấu tạo chủ yếu của tác phẩm như nhân vật, sự việc và cả ở thủ pháp nghệ thuật. + Nhân vật kì ảo . Nhân vật có thể có năng lực siêu nhiên, xuất thân kì lạ, diện mạo khác thường, hành tung biến hoá... Trong truyện truyền kì, nhân vật kì ảo và nhân vật phàm trần đối thoại, tương tác với nhau một cách tự nhiên, không có sự cách biệt. Thân phận (khác thường, lạ lùng) của con người cũng trở thành một đối tượng phản ánh đặc biệt, nhằm thể hiện các ý niệm, khắc hoạ bức tranh phong phú về đời sống. Nếu như nhân vật trong thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích và truyền chí quái thương thuộc về một tuyến nhất định (xấu - tốt, cao cả - thấp hèn, và có tính chức năng (do vậy mà hành động khá đơn điệu) thì nhân vật trong truyện truyền kì được chú trọng xây dựng với những góc cạnh đa dạng, thể hiện dụng ý nghệ thuật thâm thúy.

		+ Sự việc kì ảo. Các biến cố, sự kiện, hành động kì ảo liên kết với nhau thành chuỗi, tạo nên cốt truyện có tính chất li kì, huyền hoặc. Sự việc kì ảo thường xảy ra trong một không gian và thời gian khác lạ, bất thường. Về không gian, có không gian cô tiên với cảnh tượng kì thú, không gian âm phủ với khung cảnh hãi hùng, thiên nhiên sóng cuộn gió gào gọi cảm giác sợ hãi... Về thời gian, có thời gian ban đêm mang đến ấn tượng huyền bí, thời gian hư ảo gọi ấn tượng về sự tĩnh tại, vĩnh hằng... Cốt truyện của truyện truyền kì thường gắn chặt với các yếu tố văn hoá, tín ngưỡng, truyền thống lịch sử... của từng dân tộc + Thủ pháp nghệ thuật. Sự kết hợp linh hoạt giữa yếu tố kì ảo (thường được nhận diện tương đối gồm kì – kì lạ, khác thường, siêu phàm và quái – quái dị, ma quỷ, yêu tinh,...) với yếu tố thực là thủ pháp quan trọng của truyện truyền kì. Biểu hiện cụ thể là sự hoà trộn không gian các cõi (thần tiên, trần tục, âm phủ), sự thống nhất về thời gian thực và mộng, biến động xoay vần và tình tại bất biến. Việc sử dụng giấc mộng, đan xen thực tại với hồi ức cũng là thủ pháp khá phổ biến giúp các tác giả tạo dựng nên một thế giới nghệ thuật có tình phức hợp - Truyện truyền kì chủ yếu hướng đến các nội dung xã hội - lịch sử. Do đó, yếu tố kì ảo được tác giả sử dụng như một phương thức nhằm lí giải một nội dung hiện thực nhất định, yếu tố kì ảo tham gia vào câu chuyện đã tạo nên sự lôi cuốn, sức hấp dẫn, sự li kì của tác phẩm. Trong truyện hiện đại, yếu tố kì ảo vẫn được các nhà văn tiếp tục khai thác, sử dụng theo nhiều cách thức khác nhau.
	Đặc điểm ngôn ngữ trong truyện truyền kì	- Truyện truyền kì thường có sự đan xen tản văn với biền văn và vận văn. Trong một truyện, có thể xuất hiện nhiều "tác phẩm" biền văn hoặc thơ ca được dẫn một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, phụ thuộc vào tình tiết, diễn biến của câu chuyện hoặc đối thoại giữa các nhân vật. - Những đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ truyện truyền kì: + Thường sử dụng lối nói so sánh - ẩn dụ, ưa hình thức biểu đạt cầu kì, khoa trương, phóng đại + Chuộng ngôn từ hoa mỹ, dùng nhiều điển cố, hình ảnh biểu trưng...

BÀI 5. TIẾNG CƯỜI CỦA HÀI KỊCH

Thể loại		Tiếng cười của hài kịch
Các văn bản đã học		- <i>Nhân vật quan trọng</i> (Trích <i>Quan thanh tra</i> – Ni-cô-lai Gô-gôn – Nikolai Gogol) - <i>Giấu của</i> (Trích <i>Quần</i> – Lộng Chương)
Đặc điểm thể loại	Hài kịch	- Hài kịch là một thể loại kịch, dùng tiếng cười để chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán (vụ lợi, kịch cảm, cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng...) vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng. Tiếng cười hài kịch cất lên từ sự vênh lệch, không tương thích giữa mục đích và phương tiện thực hiện, bản chất và biểu hiện, hành

		động và hoàn cảnh, tham vọng cá nhân và các khả năng thực hiện, tức là từ những cái ngô nghĩnh, ngược đời, bất hợp lí. - Hải kịch có thể được triển khai theo các hướng khác nhau tùy theo tính chất của tiếng cười nhằm vào đối tượng: từ tiếng cười bông đùa, hài hước đến tiếng cười châm biếm, mỉa mai hay tiếng cười lật tẩy, tố cáo, đả kích. - Bằng tiếng cười phủ nhận "những thiếu sót không nên có", hải kịch muốn làm thay đổi cách nhìn của người đọc, người xem về một hiện tượng xã hội nào đó, khẳng định lối sống lành mạnh, lạc quan, hợp với lẽ phải và tiến bộ xã hội. Bởi vậy, hải kịch nhất thiết phải đưa ra một kết cục có hậu, vui vẻ đối với người đọc, người xem.
	Nhân vật, tình huống, xung đột, hành động và kết cấu hải kịch	- Nhân vật trong hải kịch là những nhân vật tiêu biểu cho một thói tật đáng cười, đáng phê phán, hoặc những nhân vật thường xuyên lầm lẫn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Nhân vật hải kịch hiếm khi là kẻ cùng hung cực ác, mà phổ biến hơn là người có khiếm khuyết, sai lầm cần khắc phục. Những nhân vật hải kịch như vậy có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu, tô đậm nét đáng cười, chứ không được khai thác qua toàn bộ tiểu sử. Trong hải kịch còn có thể xuất hiện một số nhân vật châm chích, pha trò hài hước, hay nhân vật đại diện cho một lực lượng đối kháng tiến bộ nào đó, song đó thường chỉ là những nhân vật phụ - Tình huống hải kịch là những tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự với những toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người. Tình huống hải kịch còn có thể là những tình huống hiểu lầm, trớ trêu, dở khóc dở cười, song không bi đát và luôn có thể được giải quyết tốt đẹp. - Xung đột trong hải kịch thường được xây dựng trên cơ sở mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất, mưu kế tầm thường, bất chấp đạo đức, lẽ phải... (phần nhiều là ảo tưởng) với những chuẩn mực và tiến bộ xã hội. Xung đột trong hải kịch dù căng thẳng đến mấy, cũng luôn có khả năng được giải quyết theo hướng cái xấu, cái không hoàn thiện bị phủ nhận, cái tốt đẹp, tiến bộ được khẳng định. Hành động trong hải kịch chủ yếu là hành động bên ngoài, những toan tính, mưu mô của nhân vật đều bộc lộ hết ra lời (hải kịch không nhấn mạnh trần trở nội tâm – hành động bên trong). Hành động trong hải kịch hướng tới tô đậm nét tính cách chủ đạo của nhân vật hay tính chất cực đoan của những mưu mô, toan tính, chứ không phải làm nổi bật sự kiện, bởi vậy, diễn biến hành động qua mỗi hồi kịch thường mở ra các bình diện khác nhau của cái đáng cười hơn là thúc đẩy xung đột đi tới hồi kết. Kết cấu hải kịch thông thường được tổ chức trên cơ sở một hành động kịch nhất quán: mở đầu bằng việc giới thiệu các nhân vật với thói tật và những toan tính, mưu mô, ảo tưởng của họ, thắt nút theo cách đưa

		các nhân vật vào tình huống khó xử, đẩy xung đột đi tới đỉnh điểm theo đà thắng thế của toan tính, ảo tưởng, giải quyết xung đột bằng một mưu mẹo hay một yếu tố ngẫu nhiên để bước vào kết thúc với sự sụp đổ của những toan tính, ảo tưởng đáng cười.
	Thủ pháp trào phúng và ngôn từ trong hài kịch	- Thủ pháp trào phúng bao gồm các cách thức bất ngờ làm bật lên tiếng cười giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, hạ thấp đối tượng. Hài kịch thường sử dụng những thủ pháp trào phúng như tạo tình huống hiểu lầm hài hước, trớ trêu, phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật, tạo tương phản gây cười (hoàn đổi các cảnh, các vị trí nhân vật, đó vật một cách nghịch lí, cải trang lộ liễu, đột ngột biến dạng bất cân xứng,... - Về ngôn từ, cả trong chỉ dẫn sân khấu, cách gọi tên nhân vật, cũng như trong lời đối thoại, độc thoại, hài kịch sử dụng rất nhiều biện pháp như cường điệu, tương phản, lập, nhại, chơi chữ, nói bóng gió, nói lái, nói quá, nói lỡ, nói không ra tiếng,... - Đối thoại trong hài kịch có khi được tổ chức theo kiểu đối chọi chan chát, "ăn miếng trả miếng" trong tình huống các nhân vật tố cáo lẫn nhau, có khi được triển khai xoay quanh tình huống "ông nói gà, bà nói vịt thể hiện sự lệch kênh về ý thức, cũng có khi đột ngột bỏ lửng lời thoại khiến người đọc, người xem bật cười.

II. KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT

Nội dung thực hành	Khái niệm hay quy tắc cần nắm vững	Ý nghĩa của hoạt động thực hành
1. Biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ: đặc điểm và tác dụng	- Nói mỉa: là biện pháp tu từ thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết về sự vật, sự việc được đề cập - Nghịch ngữ: là biện pháp tu từ, ở đó người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng, hoặc phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình. + Nghĩa của nghịch ngữ đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong câu hoặc trong các câu khác gần kề.	+ Tác dụng: nhấn mạnh sự phát hiện mới hay cảm nhận, liên tưởng chủ quan của người nói, người viết về một đối tượng vốn có thể được nhìn nhận khác hẳn. + Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mỉa.
2. Tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ	Nắm vững các biện pháp tu từ thường xuất hiện trong thơ: nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ, đối lập.....	Tác dụng của từng biện pháp được sử dụng trong thơ (Hình thức, Nội dung, thái độ, tình cảm của tác giả)
3. Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa	Câu mắc lỗi logic là câu có sự mâu thuẫn giữa các ý được trình bày, lẫn lộn các bình diện khi nói về đối	Nhận biết được lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và đưa ra được cách sửa.

	tượng, đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng Câu mơ hồ là câu khiến người đọc có thể hiểu theo những cách khác nhau	
4. Nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học	Điển cố là những từ ngữ, hình ảnh, hoặc câu chuyện mang tính biểu tượng, thường xuất hiện trong văn học, có nguồn gốc từ các tác phẩm kinh điển, lịch sử, hoặc văn hóa.	Nhận diện được điển cố trong tác phẩm văn học và phân tích được tác dụng của điển cố

3. KIẾN THỨC VIẾT

Kiểu bài	Yêu cầu của kiểu bài	Dàn ý
1. Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện	+ Nêu được mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. + Trình bày được các thông tin khái quát về hai tác phẩm truyện. + Làm rõ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm truyện xét trên một số phương diện nội dung và hình thức cụ thể theo mục đích và phạm vi đã xác định. + Rút ra được những nhận xét, đánh giá cần thiết, phù hợp về hai tác phẩm truyện căn cứ vào kết quả so sánh. + Nêu được ý nghĩa của việc đánh giá hai tác phẩm truyện thông qua việc so sánh.	- Mở bài: + Giới thiệu hai tác phẩm truyện được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này. - Thân bài: Luận điểm 1. Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... Luận điểm 2. Những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy Luận điểm 3. Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm. - Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh..
2. Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ	Mục đích so sánh, đánh giá: Chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng so sánh, từ đó nêu được những giá trị đặc sắc, các yếu tố cách tân và đóng góp mới mẻ của từng tác giả, tác phẩm. - Yêu cầu của kiểu bài: + Giới thiệu ngắn gọn về hai tác phẩm thơ, nêu được những	- Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về hai bài thơ và nêu cơ sở lựa chọn để so sánh, đánh giá. - Thân bài: Cần triển khai các ý: - Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... - Có thể triển khai các nội dung so sánh, đánh giá theo những cách sau: + Cách 1: Lần lượt phân tích từng bài thơ, sau đó chỉ ra điểm tương đồng, sự gặp gỡ và

	cơ sở lựa chọn hai tác phẩm để so sánh, đánh giá. + Làm sáng tỏ những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ được chọn để so sánh; có bằng chứng cụ thể, đa dạng từ hai tác phẩm. + Đưa ra những nhận xét, đánh giá thuyết phục về ý nghĩa và những đóng góp riêng, đặc sắc của mỗi tác phẩm thơ dựa trên các nội dung được so sánh. + Nêu khái quát kết quả và ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá	những điểm khác biệt, lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó; đồng thời đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. + Cách 2: Phân tích bài thơ thứ nhất theo các phương diện đã xác định, khi phân tích bài thơ thứ hai sẽ so sánh với bài thơ thứ nhất theo từng phương diện và lí giải nguyên nhân của những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ, từ đó, đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. + Cách 3: So sánh lần lượt các phương diện đã lựa chọn đối với hai bài thơ, chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt; lí giải nguyên nhân sự tương đồng và khác biệt đó; đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ từ các nội dung so sánh. - Đánh giá: + Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm. + Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả - Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá; nêu cảm nhận và ấn tượng của bản thân về các bài thơ.
3. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)	- Nêu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ để bàn luận. - Trình bày được hệ thống luận điểm hợp lí, chặt chẽ; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng; biết phối hợp hiệu quả các thao tác: chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Nêu và phản bác được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận nhằm củng cố quan điểm của người viết.	- Mở bài: Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó. - Thân bài: Cần triển khai các ý: - Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận. - Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gọi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành động như thế nào? Cần có những điều kiện gì để tuổi trẻ thực hiện yêu cầu mà vấn đề nêu ra?). - Với từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết.

	- Kết bài gây ấn tượng đối với người đọc, thúc giục tuổi trẻ hành động.	- Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình. - Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề. - Kết bài: Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân.
4. Viết bài văn nghị luận về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học	- Giới thiệu chung về tác phẩm được lựa chọn; mối quan hệ giữa tác phẩm đó với tác phẩm mà nó đã chịu ảnh hưởng. - Chỉ ra và phân tích được các phương diện, khía cạnh chủ yếu của sự tiếp nhận, chịu ảnh hưởng,... trong tác phẩm. Chỉ ra và phân tích được những điểm cách tân, sáng tạo của tác giả khi tiếp nhận ảnh hưởng từ tác phẩm khác. - Đánh giá giá trị của tác phẩm xét trên phương diện tiếp nhận và sáng tạo dựa vào các dẫn chứng cụ thể.	- Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn các thông tin về tác giả, tác phẩm, trọng tâm vấn đề (khía cạnh nào của sự vay mượn – cải biến) mà bài viết bàn luận. - Thân bài: Cần triển khai các ý: Nhận diện về phạm vi, tính chất của việc tiếp nhận, chịu ảnh hưởng. Phân tích, đánh giá sự vay mượn, tiếp nhận, chịu ảnh hưởng trên các phương diện cụ thể. Phân tích, đánh giá những điểm cải biến, sáng tạo của tác giả trong quá trình vay mượn. - Kết bài: Ý nghĩa của việc tìm hiểu về sự vay mượn và cải biến trong tác phẩm. Nên đánh giá chung và hướng khám phá, tìm tòi tiếp theo.

C. MỘT SỐ CÂU HỎI LUYỆN TẬP

I. DẠNG CÂU HỎI ĐỌC HIỂU

1. Đọc hiểu về thơ

Đề 1. Đọc đoạn trích sau

Phố của ta Những cây táo nở hoa Mùa thu đầy Thân cây đang tróc vỏ Con đường lát đá Nghiêng nghiêng trong sương chiều Năm nay cà chua chín sớm Trên quầy hàng đỏ hồng Chị thợ may đi lấy chồng Chị thợ may góa bụa Năm nay thôi mặc đồ đen.	Anh thợ điện trên mái nhà mắc dây Bà giáo về hưu ngồi dịch sách Dây cưa con trai học tiếng Pháp Suốt ngày chào: bông-dua Phố của ta Phố nghèo của ta Những giọt nước sa Trên cành thánh thót Lũ trẻ trên gác thượng Thổi bay bao bong bóng xà phòng. Em chờ anh trước cổng
---	---

<i>Bác đưa thư, có thư ai đấy? Bác đưa thư kéo chuông Ti gôn hoa nhỏ Rụng đầy trước hiên Riêng bác thợ mộc già buồn bã Thở khói thuốc lên trời</i>	<i>Con chim sẻ của anh Con chim sẻ tóc xù Đừng buồn nữa nhá Bác thợ mộc nói sai rồi Nếu cuộc đời này toàn chuyện xấu xa Tại sao cây táo lại nở hoa Sao rãnh nước trong veo đến thế? Con chim sẻ tóc xù ơi Bác thợ mộc nói sai rồi.</i>
---	--

(“**Phổ ta**” – Lưu Quang Vũ, “**Hương cây – bếp lửa**”, NXB Văn học, 1968)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của bài thơ.

Câu 2. Hãy tìm 5 đối tượng được nhắc đến trong bài thơ.

Câu 3. Từ nội dung các dòng thơ, anh/chị hãy nhận xét về tình cảm của nhân vật trữ tình anh đối với em:

*Con chim sẻ của anh
 Con chim sẻ tóc xù
 Đừng buồn nữa nhá
 Bác thợ mộc nói sai rồi*

Câu 4. Trình bày hiệu quả của việc sử dụng những câu hỏi trong đoạn

*Nếu cuộc đời này toàn chuyện xấu xa
 Tại sao cây táo lại nở hoa
 Sao rãnh nước trong veo đến thế?
 Con chim sẻ tóc xù ơi
 Bác thợ mộc nói sai rồi.*

Câu 5. Nhận xét về tình cảm, thái độ của nhân vật trữ tình anh đối với phổ ta trong bài thơ.

Câu 6. Hãy rút ra một thông điệp có ý nghĩa từ bài thơ.

Đề 2. Đọc đoạn trích sau

<i>Trời mưa lạnh tay em khép cửa Em phơi mền, vá áo cho anh Tay cầm hoa, tay để treo tranh Tay thấp sáng ngọn đèn đêm anh đọc. Năm tháng đi qua mái đầu cực nhọc Tay em dùng trên vầng trán lo âu Em nhẹ nhàng xoa dịu nỗi đau Và góp nhặt niềm vui từ mọi ngả.</i>	<i>Khi anh vắng, bàn tay em biết nhớ Lấy thời gian đan thành áo mong chờ Lấy thời gian em viết những dòng thơ Để thấy được chúng mình không cách trở... Bàn tay em, gia tài bé nhỏ Em trao anh cùng với cuộc đời em.</i>
--	---

(Trích *Bàn tay em*, Xuân Quỳnh, Những nhà thơ Việt Nam thời chống Mỹ, NXB Kim Đồng, 2007, tr. 158-159)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Nêu dấu hiệu để xác định thể thơ của đoạn trích?

Câu 2. Trong đoạn trích hình ảnh đôi bàn tay em gắn liền với những công việc thường nhật nào?

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong khổ thơ thứ nhất:

*Trời mưa lạnh tay em khép cửa
Em phơi mền, vá áo cho anh
Tay cầm hoa, tay để treo tranh
Tay thấp sáng ngọn đèn đêm anh đọc.*

Câu 4. Em hiểu câu thơ sau như thế nào: "Bàn tay em, gia tài bé nhỏ" ?

Câu 5. Nhận xét về tình cảm của nhân vật trữ tình anh dành cho em?

Câu 6. Từ hình ảnh "bàn tay em", anh/ chị có suy nghĩ gì về vai trò của người phụ nữ trong xã hội hiện nay.

2. Đọc hiểu văn bản truyện

Đề 1. Đọc văn bản sau:

(...) Bữa cơm ngon lành quá. Tâm ngồi ăn dưới con mắt hiền từ và mến thương của mẹ. Các em cô quây quần cả chung quanh, hỏi chuyện chợ búa của chị. Tâm ngắm nghía các nét mặt xinh xẻo, những con mắt ngây thơ lóng lánh dưới mái tóc tơ của các em: cô thấy lòng đầm ấm và tự kiêu, lòng người chị chịu khó nhọc để kiếm tiền nuôi các em ăn học. Cô hỏi han sách vở của thằng Lân và thằng Ái, học lớp 3 ở trường làng. Ngày trước, thời còn sung túc, cô cũng đã cấp sách đi học, và về nhà lại được ông Tú dạy thêm chữ Nho. Nhưng đã lâu, cô rời bỏ quyển sách để bước chân vào cuộc đời rộng rãi hơn, khó khăn và chật chội. Buôn bán bây giờ mỗi ngày một chật vật, bởi cô ít vốn. Tất cả gánh hàng của Tâm chỉ đáng giá hai chục bạc. Giá nàng có nhiều tiền để buôn vải bán các chợ như Liên...

- Thôi, các em đi ngủ đi, mai còn dậy sớm mà đi học chứ.

Lân cười, trả lời chị:

- Mai chủ nhật cơ mà, chị quên rồi à? Tối nay em thức khuya để nói chuyện với chị.

Nhưng một lát sau, trong căn nhà yên tĩnh, chỉ còn Tâm và bà Tú ngồi trên phản: cô kiểm điểm và xếp đặt lại các thứ hàng để mai đi phiên chợ Bằng chính. Những thứ hàng nhỏ, khác nhau và xinh xắn: cuộn chỉ, bao kim, hộp bút, cúc áo, giấy lơ, một trăm thứ lặt vặt qua lại trên ngón tay nhỏ bé của thiếu nữ, vừa quý báu lại vừa ít ỏi. Mỗi thứ đối với Tâm có một linh hồn riêng, và cô hàng lơ mờ đoán hiểu trong thâm tâm những khó nhọc và công của đã làm thành chúng. Tâm đã thêm vào vài thứ hàng mới, bắt đầu bán được ở chợ: phấn xoa mặt, dầu bôi tóc, và son thoa môi. Cô ngắm nghía trên tay cái ống sáp con bằng đồng – hào rươi một cái – đựng một chất đồ thơm làm thắm tươi môi các thiếu nữ ở trên tỉnh. Đôi khi trong buổi chợ Tâm đã được thấy một vài cô gái tỉnh về quê, da trắng, môi đỏ, lịch sự và sang trọng. Có lần, một đêm khuya, Tâm đã lấy sáp bôi lên môi mình và ngắm trộm bóng trong chiếc gương tròn nhỏ Cô Ba. Cô hơi thẹn thấy bóng mình trong đó, với đôi môi đỏ như sẫm máu...

- Độ này, hàng có bán được không, con?

- Thừa ư, cũng khá ạ.

Chị Liên bán vải cũng chẳng đẹp bằng. Tâm biết mình xinh nhất chợ. Bọn con trai thường hay quanh quẩn chỗ cô ngồi và buông lời chòng ghẹo. Nhưng cô không để ý: Tâm thấy vững vàng ở giá trị lòng cao quý của mình. Nàng đã đảm đang nuôi cả một nhà, với lại, trờ phi là cô gái hư không kể, còn ai ở địa vị nàng cũng phải tảo tần buôn bán như thế. Làm việc,

đôi với Tâm, là cái lệ chung của người ta. Cô thấy chung quanh toàn những người đàn bà chịu khó làm ăn vất vả để nuôi chồng, nuôi con. Không bao giờ Tâm nghĩ cho mình, cho cuộc đời riêng của cô.

...

Trong nhà đã ngủ yên tĩnh cả rồi. Trên án thư, bên cạnh ngọn đèn hoa kì, chồng sách và cái ống bút của Lân, Ái che khuất ánh sáng. Các em nàng! Những đứa em thông minh và ngoan ngoãn quá. Không biết nàng có táo tợn mãi được để kiếm tiền mua giấy bút cho chúng ăn học không? Tâm mơ màng nghĩ đến sự thành công của các em sau này: đỗ đạt rồi đi làm trên tỉnh giúp thầy mẹ. Nhà nàng lại được sung túc và mát mẻ như xưa.

Tất cả những nỗi lo lắng lui đi và tâm hồn giản dị của thiếu nữ được nghỉ ngơi yên tĩnh.

(...)

(Trích truyện ngắn **Cô hàng xén**, Tuyển tập Thạch Lam)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Câu chuyện trong văn bản được kể theo ngôi kể nào?

Câu 2. Nhân vật Tâm làm công việc gì?

Câu 3. Chi tiết sau góp phần thể hiện điều gì trong tính cách của nhân vật Tâm?

“Tâm ngắm nghía các nét mặt xinh xẻo, những con mắt ngây thơ lóng lánh dưới mái tóc tơ của các em: cô thấy lòng đầm ấm và tự kiêu, lòng người chị chịu khó nhọc để kiếm tiền nuôi các em ăn học. Cô hỏi han sách vở của thằng Lân và thằng Ái, học lớp 3 ở trường làng.”

Câu 4. Trong câu văn sau: “Cô ngắm nghía trên tay cái ống sáp con bằng đồng – hào rươi một cái – đựng một chất đồ thơm làm thắm tươi môi các thiếu nữ ở trên tỉnh.” tác giả đã sử dụng phép tu từ gì và nó có tác dụng biểu đạt như thế nào?

Câu 5. Anh/chị có quan điểm như thế nào về suy nghĩ của nhân vật Tâm “Không bao giờ Tâm nghĩ cho mình, cho cuộc đời riêng của cô.”?

Câu 6. Từ nội dung văn bản Đọc hiểu, anh/chị hãy rút ra bài học có ý nghĩa nhất cho bản thân (Viết đoạn văn khoảng 5-7 dòng)

Đề 2. Đọc đoạn trích sau:

Như Từ, từ khi bỏ nhà đi thám thoát đã được một năm, ao sen đã đổi thay màu biếc. Những đêm gió thổi, những sáng sương sa, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vắng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn băng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được. Một hôm trông ra bể, thấy một chiếc tàu buôn đi về phương Nam. Từ trở bảo Giáng Hương rằng:

- Nhà tôi đi về phía kia kìa, song biển cả trời xa, chẳng biết là ở tận đâu.

Rồi nhân lúc rồi, chàng nói với nàng rằng:

- Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cô héo hon, dám xin thể tình mà cho được tạm về, chẳng hay ý nàng nghĩ thế nào?

Giáng Hương bùi ngùi không nở dứt. Từ lang nói:

- Tôi xin hẹn trong một thời kỳ bao nhiêu lâu, để về cho bạn bè gặp mặt và thu xếp việc nhà cho yên, sẽ lại đến đây để với nàng cùng già ở chốn làng mây bến nước.

Giáng Hương khóc mà nói:

- *Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp, kiếp trần ngắn ngủi, dù nay chàng về nhưng chỉ e liễu sân hoa vườn, không còn đâu cảnh tượng như ngày trước nữa.*

Nàng nhân thừa với phu nhân, phu nhân nói:

- *Không ngờ chàng lại mắc mớ vì mối lòng trần như vậy.*

Nhân cho một cỗ xe cưỡi vác để chàng cưỡi về. Nàng cũng đưa cho chàng một bức thư viết vào lụa mà nói:

- *Ngày khác trông thấy vật này, xin đừng quên mối tình ngày cũ.*

Rồi trần nước mắt mà chia biệt.

Chàng đi chỉ thoát chốc đã về đến nhà, thì thấy vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thấy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc màu xanh thửa nọ. Bèn đem tên họ mình hỏi thăm những người già cả thì thấy có người nói:

- *Thuở bé tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng cùng tên họ như ông, đi vào núi mất đến nay đã hơn 80 năm, nay đã là năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh là đời ông vua thứ ba của triều Lê rồi.*

Chàng bấy giờ mới hậm hực buồn ngủi; muốn lại lên xe mây để đi, nhưng xe đã hóa làm một con chim loan mà bay mất. Mở thư ra đọc, thấy có câu: "Kết lưà phượng ở trong mây, duyên xưa đã hết, tìm non tiên ở trên bể dip khác còn đâu!" mới biết là Giáng Hương đã nói trước với mình những lời ly biệt. Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngấn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.

(Trích *Từ Thức, Truyền kỳ mạn lục*, bản dịch của Trúc Khê - Ngô Văn Triện. NXB Trẻ & Hội Nghiên cứu giảng dạy văn học TP. HCM, in lại năm 1988)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của đoạn trích.

Câu 2. Liệt kê 2 chi tiết có tính chất kì ảo trong đoạn trích

Câu 3. *Những đêm gió thổi, những sáng sương sa, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vắng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn băng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được; Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cô héo hon, dám xin thể tình mà cho được tạm về...*

Những câu văn trên cho thấy đặc điểm nào của ngôn ngữ truyện truyền kì?

Câu 4. Lí giải sự lựa chọn của Từ Thức: Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngấn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.

Câu 5. Rút ra một thông điệp có ý nghĩa từ văn bản.

3. Đọc hiểu văn bản nghị luận

Đọc văn bản sau:

(1) *Thiếu vắng tình yêu thương thì sống ở đời đã khó, làm nghề giáo thì khó biết nhường nào. Thầy mong rằng, mai kia ra đời, hãy dạy cho trẻ biết thương cha thương mẹ, biết ơn những đồng chua nước mặn, những nhọc nhằn để có bát cơm; biết sẻ chia với những phận đời không may mắn và vị tha với những lỗi lầm. Rồi sau đó mới dạy trẻ những tình yêu lớn lao hơn thế.*

(2) *Chúng ta không thể thờ ơ với những thành công của công nghệ. Nếu không ta mãi mãi đi sau, nhưng xin nhớ rằng, một con người thiếu đi tình yêu thương thì tương lai trở thành bất định. Trước hết,*

dạy cho trẻ cách ứng xử trong môi trường số sao cho đúng mức và văn minh trước khi dạy các em làm những điều cao siêu hơn thế. Đừng để tiến bộ của công nghệ trở thành nỗi sợ hãi ám ảnh trong mỗi gia đình và trong hoảng loạn của mỗi con người.

(3) Các em hãy là người bảo vệ tuổi thơ cho trẻ. Đừng để việc học đánh mất sự ngây thơ của trẻ; nhắc với phụ huynh rằng, tuổi thơ là tuổi thần tiên; hãy hỏi trẻ đi học có vui không thay vì hỏi hôm nay con được bao nhiêu điểm? Đừng để trẻ con mơ ước chúng trở thành chiếc điện thoại thông minh vì cha mẹ chúng dành nhiều thời gian cho màn hình điện thoại hơn dành cho chúng. Thêm một nhúm kiến thức không trở thành người nổi tiếng, bồi đắp thêm tình yêu thương với con người, với thiên nhiên, làng xóm là bệ phóng của tương lai. Đánh mất sự hồn nhiên, trong sáng của trẻ thơ là có tội. Nguyên sơ là gốc thánh thiện của con người. Hãy cố giữ cho trẻ thơ cánh diều vút cao trên đồng làng ngập gió, giữ cho sự vô tư choán năm tháng tuổi thơ ngây. Hãy gạt bỏ cái tư tưởng biến đứa trẻ thành chuyên gia xuất sắc, mà luôn nhớ rằng giáo dục trẻ để chúng biết yêu thương, biết quan tâm, biết sẻ chia với những người gần gũi. Nhắc với phụ huynh rằng, đừng bắt con cái mình chín ép và trở thành công cụ thực hiện tham vọng của mình.

(Trích Bài phát biểu của GS.TS Nguyễn Văn Minh - Hiệu trưởng Đại học Sư phạm Hà Nội, <https://vnexpress.net/hieu-truong-su-pham-gat-bo-tu-tuong-bien-tre-thanh-chuyen-gia>)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Văn bản bàn vấn đề gì?

Câu 2. Xác định các luận điểm của văn bản.

Câu 3. Biện pháp tu từ liệt kê có tác dụng như thế nào trong câu văn sau: “Thầy mong rằng, mai kia ra đời, hãy dạy cho trẻ biết thương cha thương mẹ, biết ơn những đồng chua nước mặn, những nhọc nhằn để có bát cơm; biết sẻ chia với những phận đời không may mắn và vị tha với những lỗi lầm”?

Câu 4. Anh/chị hiểu như thế nào về câu văn: Thêm một nhúm kiến thức không trở thành người nổi tiếng, bồi đắp thêm tình yêu thương với con người, với thiên nhiên, làng xóm là bệ phóng của tương lai?

Câu 5. Từ văn bản, anh/chị rút ra được thông điệp gì ý nghĩa nhất cho bản thân? Vì sao?

II. DẠNG CÂU HỎI VIẾT

1. VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

1.1. VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH HAI TÁC PHẨM THƠ

Đề 1. Anh chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn thơ sau:

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông, Một người chín nhớ mười mong một người. Nắng mưa là bệnh của giời, Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng. (Nguyễn Bính, <i>Tương tư</i>)	Nhớ gì như nhớ người yêu Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương Nhớ từng bản khói cùng sương Sớm khuya bếp lửa người thương đi về. (Tố Hữu, <i>Việt Bắc</i>)
--	--

Đề số 01: Anh chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn thơ sau:

Làm sao được tan ra Thành trăm con sóng nhỏ Giữa biển lớn tình yêu Để ngàn năm còn vỗ. (Xuân Quỳnh, trích <i>Sóng</i> , theo <i>Hoa dọc chiến hào</i> , NXB Văn học, Hà Nội, 1968)	Tôi muốn tắt nắng đi Cho màu đừng nhạt mất; Tôi muốn buộc gió lại Cho hương đừng bay đi. (Xuân Diệu, trích <i>Vội vàng</i> , theo <i>Thơ thơ</i> NXB Đời nay, Hà Nội, 1938)
--	---

Chú thích:

Xuân Quỳnh (1942-1988) tên khai sinh là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, quê ở La Khê, Hoài Đức, Hà Nội. Bà nổi tiếng với nhiều bài thơ được nhiều người biết đến như *Thuyền và biển*, *Sóng*, *Thơ tình cuối mùa thu*, *Tiếng gà trưa*,... Xuân Quỳnh là một trong số những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mỹ. Thơ bà là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc đời thường. *Sóng* được sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh. Bài thơ in trong tập *Hoa dọc chiến hào*.

Xuân Diệu (1916-1985) tên khai sinh là Ngô Xuân Diệu, quê ở Can Lộc - Hà Tĩnh nhưng sống với mẹ ở Quy Nhơn. Xuân Diệu là nhà thơ “mới nhất trong các nhà thơ mới” (Hoài Thanh). Ông đã đem đến cho thơ ca đương thời một sức sống mới, một nguồn cảm xúc mới, thể hiện một quan niệm sống mới mẻ cùng với những cách tân nghệ thuật đầy sáng tạo. Ông là nhà thơ của tình yêu, của mùa xuân và tuổi trẻ với một giọng thơ sôi nổi, đắm say, yêu đời thắm thiết. *Vội vàng* được in trong tập *Thơ thơ*, là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám.

1.2. VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH HAI TÁC PHẨM TRUYỆN

Đề bài. Anh chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích sau:

Đoạn trích 1:

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhớn mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hẳn còn bế trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chường ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ổ rom đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chặt vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chường ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rom, để mong lấy cái ấm của mình ấp ủ cho nó.

(Trích *Nhà mẹ Lê*, Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2015, trang 28-29)

Đoạn trích 2:

(Lược phần đầu: Dì Diệu và chú Đức lấy nhau đã nhiều năm nhưng không có con vì năm cưới chú, việc cắt khối u buồng trứng đã khiến dì không thể tự sinh con. Bởi niềm khao khát về đứa con chưa lúc nào nguôi nên dì bàn với chú Đức tìm người mang thai hộ. Chị Lành gánh nước thuê vì hoàn cảnh gia đình ngặt nghèo nên nhận lời giúp chú dì. Em bé trong bụng chị Lành ngày một lớn đem đến niềm vui vô bờ cho chú dì, và cũng đẩy lên tình mẫu tử ở chị Lành.)

Và khi tháng Ba đi qua, đứa bé bắt đầu báo hiệu sự sống. Chị Lành khoe:

- Nó đạp rồi, chị Diệu, nó đạp đây nè.

Dì Diệu hớn hở vén bụng chị Lành lên, dưới làn da căng mẫn, đứa bé con chồi đạp rớt rít. Chị Lành cười giòn:

- Nó mạnh quá chị ha....

Dì Diệu cười, rồi làm như một cơn gió từ đâu xộc tới, tim dì riết lại một nỗi đau. Dì thêm biết bao nhiêu cái cảm giác che chở cho một sinh linh sống trong mình, để được thêm tới cùng, tới chảy nước dãi món ngọt, món chua, để có thể cảm nhận từ trái tim chứ không phải bằng bàn tay đôi bàn chân bé bỏng quẩy đạp bụng mình thon thót. Đó là những thứ cảm giác thiêng liêng không vay mượn, thuê mướn được: cảm giác làm mẹ. Dì bắt đầu lo lắng, mình đã làm một việc đúng không.

Chỉ còn một tháng hai mươi ngày nữa, đứa bé sẽ ra đời. Dì Diệu tính từng ngày, từng bữa. Chị Lành tính từng ngày từng bữa. Người trông cho mau, người trông đừng bao giờ đến. Dì Diệu cố quên cái vẻ mặt buồn bã, van nài của chị Lành. Chị biết, khi đứa bé khóc ngoe ngoe cất tiếng khóc chào đời, là chị với nó sẽ phải chia lìa. Hợp đồng đã ghi rõ ràng như vậy. Chị thấy thương mình, thương con và thương dì Diệu. Chị rớt rít ăn, rớt rít ngủ vì biết rằng mai này rồi chẳng còn nhau...

(Nguyễn Ngọc Tư, *Làm mẹ*, Tập truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư, NXB Trẻ, 5/2024)

Chú thích:

* Thạch Lam (1910-1942), sinh ra tại Hà Nội, trong gia đình công chức gốc quan lại. Thuở nhỏ sống ở quê ngoại: phố huyện Cẩm Giàng (Hải Dương). Là người đôn hậu và rất đổi tinh tế.

Ông có quan niệm văn chương lành mạnh, tiến bộ và có biệt tài về truyện ngắn. Mỗi truyện của Thạch Lam như bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm nhưng chứa đựng biết bao tình cảm yêu mến chân thành và sự nhạy cảm trước biến thái của cảnh vật và lòng người. Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc.

* Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Với niềm đam mê viết lách, chị miệt mài viết như một cách giải tỏa và thể nghiệm, chị biết rằng chị muốn viết về những điều gần gũi nhất xung quanh cuộc sống của mình. Giọng văn chị đậm chất Nam bộ, là giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh.

2. VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Đề 1. Trong cuốn sách *Đủ nắng thì hoa nở*, tác giả Ba Gàn viết: “Đừng tìm bình an, mà hãy chủ động an bình trước mọi hoàn cảnh”.

Từ câu nói trên, hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về cách sống chủ động của con người trong hội hiện đại.

Đề 2. Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500) chữ bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của lòng vị tha với tuổi trẻ hiện nay.